

PHÒNG, CHỐNG BUÔN LẬU TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN KHI VIỆT NAM GIA NHẬP WTO

NGUYỄN PHI HÙNG

Tổng cục Hải quan

1. Năm 2006, nước ta tập trung mọi nỗ lực, cố gắng thực hiện các cam kết quốc tế (song phương và đa phương) để phấn đấu gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Theo đó, hoạt động cải cách hành chính trên lĩnh vực quản lý nhà nước (QLNN) về kinh tế đối ngoại diễn ra mạnh mẽ, hệ thống các văn bản pháp luật được tiếp tục hoàn thiện, nhiều chính sách thuế quan và phi thuế quan được thay đổi. Đặc biệt, việc triển khai thực hiện *Luật bổ sung sửa đổi một số điều của Luật Hải quan* được Quốc hội thông qua tháng 6-2005 (có hiệu lực từ ngày 01-01-2006) và Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23-01-2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành *Luật Thương mại* về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài. Với những thay đổi cơ bản như vậy, danh mục mặt hàng và các quy định về cấm, hạn chế, các điều kiện xuất nhập khẩu (XNK) hàng hoá được thay đổi để từng bước phù hợp với các cam kết khi gia nhập WTO. Đây chính là những yếu tố tác động trực tiếp đến thị trường, đến hoạt động XNK và tình hình buôn lậu và gian lận thương mại.

Để chủ động phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, cơ quan hải quan đã chủ động cải cách và hiện đại hoá, thay đổi một cách cơ bản về phương pháp quản lý. Theo đó, đã chuyển hẳn từ phương thức quản lý truyền thống trước đây là cách quản lý thủ công, phân tán, riêng lẻ theo từng hồ sơ, từng lô hàng XNK và kiểm tra thực tế hầu hết các lô hàng, sang phương

thức quản lý hải quan hiện đại, dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro - theo hướng: quản lý dựa trên cơ sở thông tin tập trung về mức độ rủi ro trong chấp hành pháp luật của từng doanh nghiệp, từng lô hàng, áp dụng các tiêu chí quản lý gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, thí điểm khai báo hải quan điện tử... để quyết định kiểm tra, phát hiện hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, hạn chế tỉ lệ kiểm tra thực tế hàng hoá tại cửa khẩu và tăng cường kiểm tra sau thông quan. Trong năm 2006, Tổng cục Hải quan đã ban hành 2 quyết định và 12 văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống buôn lậu, đã chỉ đạo xác lập nhiều chuyên án lớn để triệt phá các ổ nhóm, đường dây buôn lậu, tập trung phát hiện các phương thức, thủ đoạn buôn lậu, gian lận thương mại mới.

Theo số liệu từ ngày 01-01-2006 đến hết ngày 20-10-2006, lực lượng kiểm soát toàn ngành Hải quan đã phát hiện, bắt giữ được 4.006 vụ buôn lậu, gian lận thương mại, trị giá hàng hoá vi phạm là 293 tỉ đồng (tăng 55 vụ và trị giá hàng hoá vi phạm tăng 42,4 tỉ đồng so với cùng kỳ năm 2005); trong đó, buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá là 3.650 vụ (tăng 318 vụ, chiếm 9,5%); gian lận thương mại: 302 vụ (giảm 238 vụ, chiếm 48,8%); ma tuý: 41 vụ (tăng 8 vụ, chiếm 24,2%); vũ khí, chất nổ: 13 vụ. Tổng số tiền thu nộp ngân sách nhà nước là 195,9 tỉ đồng.

Riêng Cục Điều tra chống buôn lậu (Tổng cục Hải quan) đã phát hiện, bắt giữ được 60 vụ, trị giá hàng vi phạm là 111,7 tỉ đồng; trong đó, có 8 vụ buôn bán, vận

chuyển các chất ma tuý, khởi tố 2 vụ buôn lậu có giá trị hàng vi phạm lớn.

Phân tích diễn biến của tình hình buôn lậu, gian lận thương mại diễn ra trong năm 2006 cho thấy, ngoài các thủ đoạn truyền thống, việc Việt Nam từng bước gia nhập WTO đã tác động mạnh đến tình hình buôn lậu, thể hiện trên một số vấn đề sau:

- Số vụ buôn lậu, gian lận thương mại không giảm, tính chất và trị giá vi phạm rất lớn và tăng hơn cùng kì năm 2005, mặc dù danh mục một số mặt hàng bị cấm XNK, hạn chế XNK hoặc XNK có điều kiện được Nghị định số 12/2006/NĐ-CP cắt giảm cho phù hợp lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế khi gia nhập WTO.

- Xuất hiện ngày càng nhiều các hoạt động buôn lậu gây ra các nguy cơ lớn cho an ninh chính trị (nhập khẩu vũ khí, tài liệu phản động), cho an ninh kinh tế (tiền giả, xuất lậu xăng dầu), đến nguy cơ cạn kiệt tài nguyên (xuất lậu gỗ quý, than, quặng) và nguy cơ tán phát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường (nhập lậu gà, lợn, trâu, bò từ Trung Quốc, ác quy chì phế thải...).

- Lợi dụng việc thực hiện Hiệp định trị giá thuế (GATT/WTO), cho phép doanh nghiệp (DN) tự khai báo để áp giá tính thuế, nhiều DN đã cố ý hoặc thông đồng, móc ngoặc với bên ngoài khai hạ thấp trị giá hàng nhập khẩu để trốn thuế. Điển hình là việc nhập khẩu ô tô các loại: ô tô du lịch 4-5 chỗ ngồi do Trung Quốc sản xuất, khai báo giá khi nhập khẩu là 2.000-3.000 USD; ô tô du lịch cũ đã qua sử dụng từ 4-5 chỗ ngồi, DN khai báo giá khi nhập khẩu chỉ bằng một phần ba giá mua thực tế (khai giá 7.000-8.000 USD/chiếc, trong khi giá mua thật là từ 21.000-25.000 USD/chiếc). Tình trạng trên, tại nhiều thời điểm đã gây áp lực vô cùng căng thẳng với Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành và cơ quan hải quan trong việc đối phó, ngăn chặn các tình huống buôn lậu, trốn thuế.

- Lợi dụng những ưu đãi cho các hàng hoá có xuất xứ (C/O) Việt Nam mà các nước dành cho Việt Nam được hưởng

trong quá trình đàm phán, nhiều DN đã lợi dụng các chính sách ưu đãi về thuế và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước đối với các DN, các đối tượng đã thành lập nhiều DN hoạt động XNK, trong quá trình hoạt động đã cố tình nợ thuế với số lượng lớn, sau đó bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh hoặc giải thể để chiếm đoạt tiền thuế nhập khẩu, thuế VAT của Nhà nước ngày càng trở nên phổ biến, phức tạp, đặc biệt tại các thành phố lớn. Hiện nay, số nợ đọng tiền thuế XNK đã lên tới 5.691 tỉ đồng. Riêng Hải quan TP. Hồ Chí Minh đã chuyển 72 vụ DN nợ đọng 100 tỉ đồng cho cơ quan điều tra.

- Lợi dụng sự thông thoáng của Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Thuế xuất nhập khẩu... trong lĩnh vực đầu tư, gia công, nhiều DN nhập khẩu hàng hoá thành phẩm hoàn chỉnh nhưng khai là nguyên phụ liệu để được cấp C/O Việt Nam nhằm hưởng chế độ ưu đãi thuế quan (tập trung chủ yếu là hàng đồ gỗ nội thất, quần áo, mật ong, sản phẩm thủy sản... của Trung Quốc qua lãnh thổ Việt Nam xuất khẩu qua nước thứ ba).

Nghiêm trọng nhất là tình trạng làm giả hồ sơ hải quan và xuất khống hàng hoá để hợp thức hoá nguyên, phụ liệu nhập khẩu để bán ra thị trường kiếm lời, trốn thuế nhập khẩu. Có DN đã bán ra thị trường hàng triệu mét vải, trị giá vài chục tỉ đồng, trốn thuế hàng chục tỉ đồng.

2. Nguyên nhân của tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại diễn ra phức tạp nêu trên, dưới góc độ QLNN, có thể rút ra một số nguyên nhân chủ yếu dưới đây:

Thứ nhất, đối với công tác quản lý của ngành Hải quan:

Thực hiện các yêu cầu, cam kết quốc tế khi gia nhập WTO và tạo điều kiện cho XNK, theo quy trình thủ tục hải quan mới, hàng hoá được thông qua các quy định, quy trình nghiệp vụ còn chưa thật sát với thực tế nên đã có hiện tượng DN cố tình sửa đổi các nội dung trên hồ sơ, chứng từ, tài liệu (đổi tên mặt hàng nhập khẩu có

điều kiện, mặt hàng có C/O được ưu đãi thuế suất, các mặt hàng có thuế suất thấp, mặt hàng nhập khẩu không có điều kiện...) nhằm hội đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật để được thông quan theo luồng xanh, trốn tránh sự kiểm tra, kiểm soát của Hải quan. Đây là phương thức thủ đoạn gian lận mới đã và đang diễn ra phức tạp, tinh vi tại thời điểm hiện nay.

Mặt khác, lợi dụng hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan chưa đồng bộ và cập nhật đầy đủ, một số DN tham gia hoạt động XNK đã luồn lách, gian lận trốn thuế với những hình thức khác nhau như khai sai số lượng hàng hoá, sai chủng loại hàng, áp mã hàng hoá sai để hưởng thuế suất thấp... nợ đọng thuế kéo dài, đặc biệt là gian lận trị giá khai báo để trốn thuế. Hiện nay, cơ quan hải quan đang rất khó khăn trong việc tham vấn, xác minh, xử lý đối với thủ đoạn này.

Thứ hai, đối với công tác quản lý và phối hợp của các bộ, ngành, lĩnh vực:

Nghị định số 12/2006/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01-5-2006 là một văn bản quan trọng liên quan đến hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại. Theo đó, Chính phủ quy định các bộ, ngành ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý hàng hoá XNK chuyên ngành để thực hiện Nghị định số 12/2006/NĐ-CP. Nhưng từ đầu năm đến nay, một số bộ, ngành chưa ban hành được các thông tư hướng dẫn hoặc hướng dẫn không đồng bộ, không cụ thể. Điều này dẫn đến việc xác định thế nào là hàng hoá cấm bị coi là buôn lậu rất khó khăn, hàng hoá ách tắc cửa khẩu, DN vừa lợi dụng buôn lậu lại vừa có cơ kêu ca Chính phủ và các cơ quan QLNN. Thực tế việc nhập khẩu hơn 100 chiếc xe ô tô tải trên 5 tấn đã qua sử dụng (trị giá trên 50 tỉ đồng) và 75 container ắc quy chì phế thải (trị giá trên 5 tỉ đồng) ở các cảng Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh vừa qua đã chứng minh.

Thứ ba, đối với công tác quản lý của

một số UBND các cấp:

Vẫn còn tình trạng xuất phát từ lợi ích cục bộ địa phương của mình, nhất là chính quyền địa phương các tỉnh biên giới phía Bắc, nên đã ban hành một số văn bản chỉ đạo hoạt động quản lý XNK trái với pháp luật; tạo điều kiện cho hoạt động buôn lậu, gây hậu quả lớn như vụ lợi dụng chủ trương sai của một số tỉnh, Công ty Thiên Lợi Hoà đã nhập lậu hàng trăm tấn lá thuốc lá nguyên liệu, trốn nhập khẩu hàng trăm tỉ đồng và các vụ việc phức tạp ở khu Kinh tế Thương mại Lao Bảo (Quảng Trị), khu Thương mại Công nghiệp Mộc Bài (Tây Ninh)...

Sự phối hợp giữa các sở, ngành: Kế hoạch - Đầu tư, Thương mại, Tài chính và quản lý thị trường trong việc quản lý cấp phép, quản lý kinh doanh đối với DN còn nhiều sơ hở, từng ngành mới chỉ chú ý nhiều trong việc tạo thuận lợi mà coi nhẹ khâu thẩm định năng lực tài chính, tư cách pháp nhân hoặc chỉ chú ý trong tạo thuận lợi cho những lĩnh vực của ngành mình quản lý mà thiếu phối hợp hoặc gây phức tạp, khó khăn cho ngành khác, dẫn đến tội phạm lợi dụng thành lập DN để buôn lậu hoặc tìm cách chiếm đoạt thuế XNK với số lượng rất lớn, có DN đã chiếm đoạt tới hàng chục tỉ đồng rồi bỏ trốn.

Thứ tư, đối với các doanh nghiệp:

Việc kinh doanh với mục đích lợi nhuận trong một môi trường pháp luật chưa đầy đủ, chặt chẽ nên khi thấy sự quản lý của Nhà nước có phần "thông thoáng", nhiều DN lại cho rằng có nhiều cơ hội làm ăn nên cố tình buôn lậu, gian lận thương mại mà không nhận thức được nguy cơ của nó đối với lợi ích của chính DN và lợi ích của quốc gia khi Việt Nam gia nhập WTO.

Ngày 07-11-2006 vừa qua, Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO. Như vậy, chúng ta sẽ phải thực hiện 5 nguyên tắc của WTO; trong đó, có nguyên tắc "mở cửa thị trường hàng hoá dịch vụ" và nguyên tắc "minh bạch hoá chính sách" và các cam kết khi gia nhập WTO. Riêng ngành Hải

quan phải thực hiện 10 nội dung cam kết WTO, đó là: 1. Thực hiện xác định trị giá phải theo WTO; 2. Đơn giản hoá thủ tục hải quan; 3. Thực hiện các quy định về phí và lệ phí; 4. Thực hiện các quy định về xuất xứ trong WTO; 5. Thực hiện các quy định tự do quá cảnh; 6. Tăng cường chống buôn lậu và gian lận thương mại; 7. Nâng cao năng lực trình độ quản lý; 8. Hiện đại hoá Hải quan; 9. Thực hiện yêu cầu an ninh, chống khủng bố quốc tế; 10. Thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới. Ngoài ra, cơ quan hải quan còn phải thực hiện tất cả các cam kết của các bộ, ngành, lĩnh vực khác liên quan đến dịch vụ, hàng hoá XNK.

Có thể dự báo rằng, theo lộ trình cam kết sẽ giảm hẳn, giảm dần đối với một số dòng thuế hoặc tháo dỡ các rào cản quy định về phi thuế quan, dẫn đến hoạt động thương mại - dịch vụ thuận lợi, sự chênh lệch lợi nhuận từ thuế sẽ giảm..., do đó, có phần hạn chế buôn lậu, gian lận thương mại. Tuy nhiên, từ sự “mở cửa thị trường” thì chắc chắn mọi phương thức, thủ đoạn, mánh lới tiêu cực, buôn lậu trong thương mại của cả thế giới cũng có điều kiện thâm nhập vào thị trường Việt Nam. Đáng chú ý là vấn đề đảm bảo an ninh, chống khủng bố, vấn đề phòng, chống dịch bệnh, độc hại, ô nhiễm môi trường đang là nỗi lo của tất cả các quốc gia trên thế giới. Như vậy, công tác phòng, chống buôn lậu trên lĩnh vực hải quan đang được đặt ra trước những cơ hội và thách thức lớn.

3. Trong thời gian đầu thực hiện các cam kết và quy định của WTO, công tác phòng, chống buôn lậu trên lĩnh vực Hải quan cần phải thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Một là, các bộ, ngành có chức năng QLNN về chuyên ngành Thủy sản, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công an, Xây dựng... cần khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn Nghị định số 12/2006/NĐ-CP theo đúng các quy định tại phụ lục 03 kèm theo Nghị định số 12/2006/NĐ-CP và

nguyên tắc phân loại của Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) và Danh mục HS. Đây là một cơ sở quan trọng để tổ chức phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại trong thời kì mới, cũng như đáp ứng nguyên tắc “minh bạch hoá chính sách” của WTO.

Riêng với ngành Hải quan, cần đề xuất với Chính phủ cho phép cơ quan Hải quan Việt Nam sớm ra nhập Công ước Johannesburg về hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực hải quan, giúp cho Hải quan Việt Nam nâng cao hiệu quả phòng, chống buôn lậu.

Hai là, sau khi Chính phủ công bố toàn bộ các văn kiện của Việt Nam cam kết khi gia nhập WTO, các bộ, ngành cần chủ động rà soát, đối chiếu với hệ thống văn bản pháp luật và thực tế hiện hành... nhằm chủ động phát hiện, dự báo các diễn biến, các phương thức, thủ đoạn buôn lậu, gian lận thương mại mới để chủ động đối phó. Trước mắt, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ trong việc hoàn thiện và quản lý chặt chẽ việc cấp phép, quản lý kinh doanh đối với các loại DN để chặn đứng tệ buôn lậu, trốn thuế.

Ba là, hệ thống dữ liệu, thông tin nghiệp vụ hải quan là cơ sở quyết định cho ngành Hải quan thực hiện phương pháp quản lý rủi ro phù hợp với các tiêu chuẩn WTO, đảm bảo cho thông quan hàng hoá XNK nhanh chóng và công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại có hiệu quả... nhưng hiện nay đang gặp nhiều khó khăn vì thông tin từ các ngành chưa được chia sẻ. Đề nghị các bộ, ngành liên quan và Bộ Tài chính khẩn trương ban hành các thông tư liên ngành để thống nhất chủ trương và tổ chức thực hiện việc thu thập, xử lý thông tin về thái độ chấp hành pháp luật của DN, giúp cho Hải quan có đầy đủ thông tin, phát hiện kịp thời và xử lý chính xác các hành vi và hoạt động buôn lậu.

Bốn là, chính quyền một số địa phương cần chấm dứt tình trạng vì lợi ích cục bộ

mà ban hành các quy định trái pháp luật, tạo kẽ hở cho buôn lậu. Tình trạng này đã kéo dài trong nhiều năm mà chưa được xử lý dứt điểm. Đề nghị Chính phủ cần có các biện pháp kiên quyết, xử lý nghiêm minh các sai phạm này.

Năm là, hệ thống quản lý theo phương pháp quản lý của cơ quan hải quan vận hành đã gần một năm (từ ngày 01-01-2006) cần phải được sơ kết đánh giá các ưu điểm, bổ sung kịp thời các quy định để khắc phục các sơ hở, thiếu sót, nâng cao hiệu quả đối với công tác phòng, chống buôn lậu.

Cần khẩn trương đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của toàn bộ lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu trong ngành Hải quan cho phù hợp với nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Tăng cường đào tạo nguồn

nhân lực cho công tác này. Trước mắt, cần đẩy mạnh triển khai việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về thu thập, xử lý thông tin và nắm vững các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát buôn lậu cho các cán bộ, công chức chuyên trách trong toàn ngành làm nòng cốt cho toàn bộ cuộc đấu tranh.

Sáu là, đối với cộng đồng DN, ngoài việc tuyên truyền phổ biến về các thời cơ và thách thức khi Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của WTO ở các góc độ cạnh tranh, kinh doanh đơn thuần. Đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành cần đẩy mạnh tuyên truyền và khuyến cáo các DN về các nguy cơ và hậu quả của việc buôn lậu, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép, để từng DN xác định đúng mục đích, phương pháp kinh doanh, góp phần hạn chế từ gốc tệ nạn này. □

* * * * *

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN...

(Tiếp theo trang 11)

Ba là, Nhà nước và Bộ Quốc phòng cần đầu tư xây dựng, bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác soạn thảo VBQPPL có bản lĩnh chính trị vững vàng, được bồi dưỡng, đào tạo cơ bản về pháp luật, về kiến thức quân sự, quốc phòng, có trình độ chuyên sâu và kinh nghiệm thực tiễn hoạt động trong ngành KT-QP, QP-KT; xây dựng hệ thống cơ quan chuyên trách thống nhất quản lý, chỉ đạo và thực hiện chương trình, kế hoạch soạn thảo văn bản tương xứng, đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao và cấp thiết của công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật pháp đối với tổ chức các khu KT-QP, QP-KT. Đồng thời, phát huy tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong công tác soạn thảo VBQPPL, bảo đảm sự kết hợp chặt chẽ, thống nhất trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng

về phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường QP-AN bảo vệ đất nước trong tình hình mới.

Như vậy, nội dung nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với tổ chức các khu KT-QP, QP-KT là sự cụ thể hóa đầy đủ, khách quan các quan điểm, đường lối của Đảng về hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới; đồng thời thể chế hóa đầy đủ, thống nhất các quy định của Hiến pháp về nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận phòng thủ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; thể chế hóa thành các VBQPPL và xác định trách nhiệm cụ thể của Nhà nước, các bộ, ban, ngành, cơ quan, tổ chức và công dân về việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng tổ chức các khu KT-QP, QP-KT trong toàn bộ hệ thống luật pháp của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. □